

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/5/2024

“Tranh chấp về nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Sơn Thị Sô Tha.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

2. Ông Kim Ngọc Châu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Tiết Thị Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 121/2024/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 5 năm 2024, về việc *“Tranh chấp về nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 44/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Ngọc H, sinh ngày 07/4/1966 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông Thạch H, sinh ngày 01/01/1967 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B xã K, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/4/2024 và bản tự khai của nguyên bà Lâm Thị Ngọc H trình bày: Bà và ông H quen biết nhau và được sự đồng ý của gia đình hai bên nên có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống vào năm 1990 nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau đám cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 1996 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi với nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 02 người con tên Thạch Hoàng H, sinh ngày 07/4/1991 và Thạch Thế T, sinh ngày 18/10/1994, hiện nay đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/5/2024 bị đơn ông Thạch H trình bày: Ông thống nhất ý kiến của bà H là sau khi được sự đồng ý của cha mẹ hai bên ông và bà H tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng ông sống chung với nhau hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong quá trình chung sống thường xuyên tranh cãi với nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và công việc làm ăn nên vợ chồng ông đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay ông H1 xét thấy không còn tình cảm với bà H, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục sống chung sẽ không hạnh phúc nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Về con chung: Vợ chồng có với nhau 02 người con tên Thạch Hoàng H, sinh ngày 07/4/1991 và Thạch Thế T, sinh ngày 18/10/1994, hiện nay đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông H khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do nguyên đơn bà Lâm Thị Ngọc H và bị đơn ông Thạch H đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Huệ và ông Hôn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Ngọc H và ông Thạch H tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung của vợ chồng thời gian đầu rất hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì giữa các bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân với nhau trên 20 năm nên bà Huệ và ông H đều yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ”. Đối chiếu với trường hợp của bà H và ông H sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1990 cho đến nay mà không có đăng ký kết hôn, nay có yêu cầu ly hôn, Tòa án không công nhận bà H và ông H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Tên Thạch Hoàng H, sinh ngày 07/4/1991 và Thạch Thế T, sinh ngày 18/10/1994 đã thành niên ông, bà không có yêu cầu gì về con chung nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lâm Thị Ngọc H và ông Thạch H xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lâm Thị Ngọc H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Lâm Thị Ngọc H và ông Thạch H là vợ chồng.

2. Về con chung: Đã thành niên nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không xem xét

4. Về án phí: Bà Lâm Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí và được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà Huệ đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 001642 ngày 26/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh nên bà H không phải nộp tiếp.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo luật định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi Cục THADS huyện Trà Cú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Sơn Thị Sô Tha

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kim Ngọc Châu – Nguyễn Thị Thuỳ Trang

Sơn Thị Sô Tha

